

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1**

Số: 0567 /PC1-KTNB

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PC1
 - Mã chứng khoán: PC1
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 583 đường Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
 - Điện thoại: 0243 734 3060
 - Fax: 024 3823997
 - Email: huongnt01@pcc1.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 công bố thông tin BCTC Riêng và BCTC Hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán và giải trình sự biến động của lợi nhuận sau thuế trên BCTC năm 2021 (chi tiết theo file đính kèm)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2022 tại đường dẫn: <http://pcc1.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /s/

Tài liệu đính kèm

Công văn giải trình

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Anh Dương

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PC1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 0569/CV-PCC1-BTC
V/v: Giải trình biến động năm 2021
đã được kiểm toán so với năm 2020

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM**

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006,

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC về việc “Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán” ngày 16 tháng 11 năm 2020,

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 trên BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán so với năm 2020 như sau:

1. Biến động lợi nhuận trên kết quả kinh doanh BCTC riêng

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 là 310,9 tỷ đồng giảm 393,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, tương ứng với mức giảm 55,9% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận gộp năm 2021 giảm 249,4 tỷ đồng chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh covid và yêu cầu tiến độ phát điện của các dự án điện gió công ty làm chủ đầu tư; làm tổng thầu. Công ty đã chấp nhận tăng chi phí nhằm đảm bảo uy tín, cam kết của một công ty chuyên nghiệp trên thị trường và phục vụ mục tiêu phát triển dài hạn.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 giảm 224,7 tỷ đồng là do trong năm 2020 công ty có ghi nhận doanh thu từ cổ tức lợi nhuận được chia nhiều hơn năm 2021 là 168,5 tỷ đồng và ghi nhận doanh thu tài chính từ hoạt động chuyển nhượng vốn là 93 tỷ đồng.

2. Biến động lợi nhuận trên kết quả kinh doanh BCTC hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 trên báo cáo KQKD hợp nhất năm 2021 là 764,3 tỷ đồng tăng 220.2 tỷ đồng so với năm 2020, tương ứng với mức tăng 40,47% chủ yếu do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 282,2 tỷ đồng, là do trong năm 2021 phát sinh lãi từ đánh giá lại khoản đầu tư khi mua tăng khoản đầu tư chuyển từ công ty liên kết thành Công ty con.

- Lãi từ công ty liên doanh, liên kết tăng 67,5 tỷ đồng so với năm trước.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ và hợp tác của Quý cơ quan.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- B.KTNB (P/h);
- Lưu VT.





**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là
Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021**



Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100745 ngày 2 tháng 3 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 2 tháng 3 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Vũ Ánh Dương	Thành viên
Ông Võ Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Đệ	Thành viên
Ông Mai Lương Việt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ánh Dương	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/12/2021)
	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30/11/2021)
Ông Trịnh Văn Tuấn	Tổng Giám đốc (đến ngày 30/11/2021)
Ông Đặng Quốc Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Tân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Đệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Tứ	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 28/1/2022)
Ông Lê Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/3/2021 đến ngày 30/10/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hải Hà	Trưởng Ban
Ông Hoàng Văn Cường	Thành viên
Ông Hoàng Văn Sáng	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 18 Lý Văn Phúc
Phường Cát Linh, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I) ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00177-22-1



Wang Tuấn Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0861-2018-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.280.149.404.002	4.390.794.141.363
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.358.886.612.081	1.300.061.223.658
Tiền	111		27.886.612.081	111.061.223.658
Các khoản tương đương tiền	112		1.331.000.000.000	1.189.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		140.791.658.746	62.891.072.771
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	140.791.658.746	62.891.072.771
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.545.435.339.789	2.774.139.918.728
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.761.013.705.237	1.260.676.007.295
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	220.813.526.684	1.129.128.677.423
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	119.556.381.433	84.373.634.306
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	213.378.473.900	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	237.497.814.548	306.536.195.802
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(6.824.562.013)	(6.574.596.098)
Hàng tồn kho	140	12	233.383.972.887	253.383.418.143
Hàng tồn kho	141		233.383.972.887	253.383.418.143
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.651.820.499	318.508.063
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		295.877.083	318.508.063
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.943.416	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		1.353.000.000	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		5.842.386.703.217	4.448.788.020.409
Tài sản cố định	220		2.255.669.554.997	2.353.324.694.271
Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.253.565.409.650	2.351.601.962.162
Nguyên giá	222		2.721.620.287.625	2.721.624.797.292
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(468.054.877.975)	(370.022.835.130)
Tài sản cố định vô hình	227	14	2.104.145.347	1.722.732.109
Nguyên giá	228		2.706.470.000	2.047.970.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(602.324.653)	(325.237.891)
Bất động sản đầu tư	230	15	85.285.775.367	91.027.823.929
Nguyên giá	231		125.823.873.019	125.823.873.019
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(40.538.097.652)	(34.796.049.090)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.104.884.127	4.456.563.367
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	3.104.884.127	4.456.563.367

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.447.908.583.299	1.960.178.931.092
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	2.810.936.442.092	1.878.733.962.575
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	424.748.756.168	162.178.756.168
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	214.821.770.000	4.821.770.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.598.384.961)	(85.555.557.651)
Tài sản dài hạn khác	260		50.417.905.427	39.800.007.750
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	50.417.905.427	39.800.007.750
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		10.122.536.107.219	8.839.582.161.772
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.853.149.065.508	4.904.449.147.257
Nợ ngắn hạn	310		4.265.951.114.684	3.570.297.100.326
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	1.468.937.606.097	878.613.437.738
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	100.980.626.480	796.080.005.805
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	20	25.083.969.152	82.054.756.126
Phải trả người lao động	314		18.561.724.866	26.432.319.306
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	381.759.646.450	121.724.579.196
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	22	-	62.428.741.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		351.846.593	444.354.668
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	35.011.482.907	16.626.049.981
Vay ngắn hạn	320	24(a)	2.133.714.530.914	1.498.737.515.130
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	814.983.200
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	101.549.681.225	86.340.357.372
Nợ dài hạn	330		1.587.197.950.824	1.334.152.046.931
Phải trả dài hạn khác	337		1.130.770.775	1.553.741.266
Vay dài hạn	338	24(b)	1.581.697.027.986	1.323.164.298.868
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	4.370.152.063	9.434.006.797

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.269.387.041.711	3.935.133.014.515
Vốn chủ sở hữu	410	27	4.269.387.041.711	3.935.133.014.515
Vốn cổ phần	411	28	2.351.596.490.000	1.911.881.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.351.596.490.000	1.911.881.590.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.136.556.786	711.136.556.786
Cổ phiếu quỹ	415		-	(4.320.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		198.031.531.421	150.234.491.671
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		64.632.444.542	64.632.444.542
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		943.990.018.962	1.097.252.251.516
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		633.064.793.941	392.444.282.732
- LNST năm nay	421b		310.925.225.021	704.807.968.784
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		10.122.536.107.219	8.839.582.161.772

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người duyệt:

Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng

Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02- DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	12.409.678.769.881	5.127.019.865.884
Giá vốn hàng bán	11	31	12.034.095.775.386	4.502.029.585.539
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		375.582.994.495	624.990.280.345
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	162.909.773.313	387.611.587.383
Chi phí tài chính	22	33	124.322.163.633	151.346.299.246
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		205.966.486.400	150.872.629.369
Chi phí bán hàng	25	34	9.618.851.715	20.315.358.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	76.936.734.852	74.116.999.049
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		327.615.017.608	766.823.211.005
Thu nhập khác	31	36	19.756.423.337	685.351.397
Chi phí khác	32		8.462.832.380	72.220.877
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		11.293.590.957	613.130.520
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		338.908.608.565	767.436.341.525
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	27.983.383.544	62.628.372.741
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		310.925.225.021	704.807.968.784

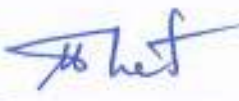
Ngày 29 tháng 3 năm 2022.

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
 Người lập biểu

Người duyệt:



Trần Thị Minh Việt
 Kế toán trưởng



CÔNG TY
 CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
PC1
 Vũ Anh Dương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	338.908.608.565	767.436.341.525
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	132.074.359.226	109.404.489.339
Các khoản dự phòng	03	(88.586.044.709)	(11.615.870.939)
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	04	989.726.513	1.147.413.708
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(144.597.724.267)	(368.803.280.000)
Chi phí lãi vay	06	205.966.486.400	150.872.629.369
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	444.755.411.728	648.441.723.002
Biến động các khoản phải thu	09	416.204.208.829	(1.126.949.922.210)
Biến động hàng tồn kho	10	19.999.445.256	86.330.857.718
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	145.903.622.759	1.129.101.363.881
Biến động chi phí trả trước	12	(10.595.266.697)	520.584.632
		1.016.267.421.875	737.444.607.023
Tiền lãi vay đã trả	14	(196.826.324.118)	(152.283.827.929)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(84.327.066.950)	(22.439.464.838)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.811.603.972)	(24.356.003.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	716.302.426.835	538.365.310.631
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(91.516.122.123)	(352.364.557.723)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	10.039.876.060	-
Tiền chi cho vay và gửi tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	23	(407.769.059.917)	(119.517.828.822)
Tiền thu hồi cho vay, nhận lại tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	24	123.046.680.542	243.626.756.051
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1.414.665.052.915)	(996.282.211.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	375.104.955.112
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi trả chậm, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	128.091.159.349	298.716.156.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.652.772.519.004)	(550.716.730.023)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	57.349.730.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	9.485.485.557.926	4.211.122.597.440
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.547.529.684.942)	(3.376.000.750.757)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	995.305.602.984	835.121.846.683
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	58.835.510.815	822.770.427.291
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.300.061.223.658	478.438.210.075
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.122.392)	(1.147.413.708)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	1.358.886.612.081	1.300.061.223.658

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu

Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I) (“Công ty”) tiền thân là Công ty Xây lắp Đường dây và Trạm, được thành lập từ ngày 2 tháng 3 năm 1963. Công ty chính thức được cổ phần hóa trở thành công ty cổ phần hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh 0100100745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2005 và thay đổi lần thứ 22 ngày 2 tháng 3 năm 2022.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê bao gồm: đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; đầu tư, cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất: dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản; tổ chức dịch vụ quản lý, vận hành và khai thác khu đô thị, nhà chung cư cao tầng;
- Sản xuất, chế tạo cột thép, mạ kẽm nhúng nóng và các cấu kiện kim loại phục vụ dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây lắp các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình nguồn điện, các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: sản xuất điện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Đo đạc bản đồ địa chính, giải thửa, trích đo thửa đất để phục vụ đền bù thi công công trình;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; và
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; rèn, đập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 24 công ty con và 2 công ty liên kết được liệt kê trong Thuyết minh 5(b) (1/1/2021: Công ty có 1 đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I – Nhà máy Kết cấu thép Yên Thường (“Chi nhánh”), 21 công ty con và 2 công ty liên kết).

Tại ngày 15 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định thông qua việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2021, Công ty đã tiến hành bàn giao tài sản của Chi nhánh cho Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh, công ty con của Công ty (Thuyết minh 39).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 249 nhân viên (1/1/2021: 321 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và tỷ giá bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của nguyên vật liệu, công cụ và dụng cụ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa được tính theo phương pháp giá đích danh. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	4 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
--------------------------	------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng thể hiện tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4. Chi phí giải phóng mặt bằng được ghi nhận theo nguyên giá và được trừ vào tiền thuê đất Công ty phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa tài sản, chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và công trình xây dựng đã hoàn thành trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự trong ba năm gần nhất.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa theo biên bản đo số điện và giá điện được quy định cụ thể trong Hợp đồng mua bán điện ký với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập đến các công ty con và công ty liên kết của Công ty.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	671.131.775	1.193.812.920
Tiền gửi ngân hàng	27.215.480.306	109.867.410.738
Các khoản tương đương tiền	1.331.000.000.000	1.189.000.000.000
	1.358.886.612.081	1.300.061.223.658

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	140.791.658.746	140.791.658.746	62.891.072.771	62.891.072.771
	140.791.658.746		62.891.072.771	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	31/12/2021		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty con					
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100%	25.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc	Hà Nội	100%	10.236.009.597	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	Hà Nội	100%	15.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm	Hà Nội	100%	10.549.569.422	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hà Đông	Hà Nội	100%	5.942.874.315	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Năng Hương	Hà Nội	100%	725.509.851	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	Ninh Bình	100%	10.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90%	28.832.168.426	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60%	151.200.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	102.338.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,83%	184.005.518.217	-	(*)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Báo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	409.614.856.402	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	412.426.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	412.479.556.800	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát (**)	Cao Bằng	57,27%	347.003.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	Cao Bằng	99,00%	29.700.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại (***)	Hà Nội	99,75%	311.652.469.517	-	(*)
			2.810.936.442.092	-	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31/12/2021

	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản CT2	Hà Nội	49,00%	300.000.000.000	-	(*)
			424.748.756.168	-	
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Western Pacific	TP Hồ Chí Minh	7%	210.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vinaincon	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(2.598.384.961)	(*)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	1.722.590.100
			214.821.770.000	(2.598.384.961)	
			3.450.506.968.260	(2.598.384.961)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		1/1/2021			
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
• Công ty con					
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	100%	25.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc	Hà Nội	100%	10.236.009.597	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	Hà Nội	100%	15.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm	Hà Nội	100%	10.549.569.422	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hà Đông	Hà Nội	100%	5.942.874.315	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Năng Hương	Hà Nội	100%	725.509.851	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	Hà Nội	100%	5.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	Ninh Bình	100%	10.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	Hà Nội	90%	28.832.168.426	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	Điện Biên	60%	151.200.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	Hà Nội	99,39%	181.850.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	Hà Nội	51,00%	2.550.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	Hà Nội	99,88%	235.005.518.217	-	(*)
• Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	Cao Bằng	99,90%	33.966.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	Cao Bằng	51,00%	141.693.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ	Hà Nội	99,95%	154.145.058.545	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	Quảng Trị	55,54%	276.795.646.402	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	Quảng Trị	54,70%	290.501.980.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	Quảng Trị	54,73%	292.863.776.800	-	(*)
• Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	Hà Nội	51,00%	1.876.851.000	-	(*)
			1.878.733.962.575	-	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

			1/1/2021		
	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty liên kết					
• Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng	Cao Bằng	25,09%	124.748.756.168	(83.902.666.586)	(*)
• Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát (**)	Cao Bằng	33,92%	37.430.000.000	-	(*)
			162.178.756.168	(83.902.666.586)	
▪ Đơn vị khác					
• Công ty Cổ phần Bê tông Ly tâm Vmaincon	Hải Dương	10%	4.000.000.000	(1.652.891.065)	(*)
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Hà Nội	0,00115%	821.770.000	-	2.224.044.900
			4.821.770.000	(1.652.891.065)	
			2.045.734.488.743	(85.555.557.651)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Ngày 16 tháng 6 năm 2021, Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát trở thành công ty con của Công ty sau khi Công ty hoàn thành việc mua lại 2.912.000 cổ phần (tương đương 23,35% quyền sở hữu) và nâng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại công ty này từ 33,92% lên 57,27%.

(***) Ngày 11 tháng 8 năm 2021, Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại trở thành công ty con của Công ty sau khi Công ty hoàn thành việc mua lại 290.323 cổ phần (tương đương 98,74% quyền sở hữu) tại công ty này. Sau đó, ngày 10 tháng 11 năm 2021 và ngày 15 tháng 12 năm 2021, Công ty góp thêm tương ứng 1.190.770 cổ phần và 15.200 cổ phần theo số vốn điều lệ mới đăng ký của Công ty và nâng tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty này lên 99,75%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Điện gió Tiền Giang	223.104.376.619	-
Ban Quản lý Dự án Các Công trình Điện Miền Trung	203.741.139.244	75.374.459.201
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	132.568.743.164	106.856.248.004
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	93.380.035.175	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1.108.219.411.035	1.078.445.300.090
	<hr/> 1.761.013.705.237	<hr/> 1.260.676.007.295

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	2.981.884.400	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Nàng Hương	1.566.274.196	223.319.267
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm	573.965.732	365.422.162
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	429.429.763	159.108.783
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	424.320.000	48.960.000
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	191.156.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc	178.123.133	253.299.321
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	79.730.710	179.727.403
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hà Đông	9.587.249	226.312.042
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	1.320.000	4.307.652.828
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Sông Gâm	-	4.880.414.144
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam	-	46.163.026
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	-	57.582.800
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	-	26.208.001
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	74.982.686.249	-
	<hr/> 81.418.477.432	<hr/> 10.774.169.777

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	-	98.653.772.817
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam	-	127.440.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	-	24.380.559.718
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc	-	18.123.799.226
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	-	3.087.090.953
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Thí nghiệm điện PCI - ETICH – công ty con của Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	31.500.000	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Gia Lộc Phát	95.988.840.482	82.998.837.129
Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	69.918.260.478	139.640.072.625
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hoàng Ngọc Phát	-	34.550.000.000
Vestas Asia Pacific A/S	-	442.064.452.457
Các khoản trả trước cho người bán khác	54.874.925.724	285.502.652.498
	220.813.526.684	1.129.128.677.423

8. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
EPC Dự án Điện gió Liên Lập - Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	59.857.640.970	-
EPC Dự án Điện gió Phong Huy - Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	25.479.249.305	-
EPC Dự án Điện gió Phong Nguyên - Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	18.717.116.482	29.024.633.426
Bên khác		
Dự án Trang trại Điện gió Trà Vinh - Công ty TNHH Vestas Wind Technology Việt Nam	15.502.374.676	35.158.965.918
Dự án Nhà máy Điện gió Ia Pết - Đak Đoa 1, Nhà máy Điện gió Ia Pết - Đak Đoa 2 - Công ty Cổ phần Phong điện Ia Pết Đak Đoa số một và Công ty Cổ phần Phong điện Ia Pết Đak Đoa số hai	-	20.190.034.962
	119.556.381.433	84.373.634.306

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên	50.154.950.051	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	50.154.950.051	-
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	12.650.863.995	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát	76.228.767.123	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	5.000.000.000	-
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	16.302.693.400	-
Bên khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn Điện 1	2.886.249.280	-
	213.378.473.900	-

Các khoản phải thu về cho vay có kỳ hạn dưới 12 tháng, không có tài sản bảo đảm và hưởng lãi suất từ 6% đến 6,5%/năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng (*)	187.254.855.632	175.711.207.904
Tạm ứng	36.740.108.437	116.048.985.767
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia (**)	5.206.594.802	9.376.369.841
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay (**)	3.737.048.530	582.739.726
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	2.151.632.200	2.151.632.200
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	418.555.690	418.555.690
Ký cược, ký quỹ	268.380.000	536.760.000
Phải thu về bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	223.268.565	178.546.275
Phải thu khác	1.497.370.692	1.531.398.399
	<hr/>	<hr/>
	237.497.814.548	306.536.195.802

(*) Đây là các khoản tạm ứng để chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng tại các công trình xây lắp sẽ được chủ đầu tư hoàn trả lại.

(**) Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5.206.594.802	9.376.369.841
Phải thu lãi cho vay	2.056.841.569	-
	<hr/>	<hr/>
	7.263.436.371	9.376.369.841

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2021			Thời gian quá hạn	1/1/2021		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Phải thu Phan Ngọc Tiến (Đội xây lắp số 1)	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-	Trên 3 năm	418.555.690	(418.555.690)	-
Phải thu Trần Nhung (Đội xây lắp số 3)	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-	Trên 3 năm	2.151.632.200	(2.151.632.200)	-
Phải thu khách hàng	Từ 2 đến trên 3 năm	7.749.313.332	(4.254.374.123)	3.494.939.209	Từ 2 đến trên 3 năm	4.052.625.403	(4.004.408.208)	48.217.195
		<u>10.319.501.222</u>	<u>(6.824.562.013)</u>	<u>3.494.939.209</u>		<u>6.622.813.293</u>	<u>(6.574.596.098)</u>	<u>48.217.195</u>
<i>Trong đó:</i>								
	Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		<u>(6.824.562.013)</u>				<u>(6.574.596.098)</u>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	23.110.700.159	-	20.433.580.176	-
Công cụ và dụng cụ	-	-	477.159.779	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	209.553.810.699	-	227.351.626.524	-
Thành phẩm	-	-	2.560.576.471	-
Hàng hóa	719.462.029	-	2.560.475.193	-
	233.383.972.887	-	253.383.418.143	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
<i>Hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện:</i>		
Gói thầu cung cấp kháng điện 110kV-40MVar Dự án: TBA 220kV Trương Dương và đầu nối	46.185.724.831	-
Gói 4 - Xây lắp đường dây từ điểm đầu đến G7 - Dự án ĐZ 500 kV Sông Hậu - Đức Hòa	20.132.443.575	20.852.581.298
Gói thầu: Thiết kế, mua sắm, thi công TBA và ĐZ 220kV - Nhà máy Điện gió Hưng Hải Gia Lai	13.769.238.589	-
Cung cấp vật tư, vật liệu và thi công gói 18: Xây lắp cung đoạn G10-1 đến điểm cuối dự án: TBA 220kV Đông Hà - Lao Bảo và ĐZ 220kV Đông Hà - Lao Bảo	6.258.033.509	4.230.097.332
Gói DEP-HNPC-PX-W01 xây lắp công trình thuộc tiểu dự án xây dựng mới TBA 110kV Phú Xuyên, ĐZ 110kV cấp điện cho TBA	-	17.348.739.676
Gói thầu CPC-CTS-PC01: Cung cấp vật tư thiết bị, thi công xây dựng và thí nghiệm hiệu chỉnh công trình ĐZ cấp ngầm 110kV dự án TBA 110kV Cánh Tiên Sa và Đầu Nối	-	39.181.270.500
Các công trình, dự án khác	112.478.142.564	134.006.234.797
<i>Dự án kinh doanh bất động sản:</i>		
Dự án Khu nhà ở để bán G5-CT2 và G8 - CT3 (trước đây là Dự án Khu nhà ở Bắc Cổ Nhuế - Chèm)	7.656.880.962	7.193.310.713
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang khác</i>	3.073.346.669	4.539.392.208
	209.553.810.699	227.351.626.524

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.351.351.248.792	1.205.157.931.049	155.652.717.885	8.509.224.356	953.675.210	2.721.624.797.292
Tăng trong năm	-	1.815.195.727	-	753.671.599	-	2.568.867.326
Chuyển sang từ xây dựng cơ bản dở dang	3.028.204.890	20.904.945.328	7.691.108.546	154.930.213	-	31.779.188.977
Xóa sổ	(943.094.045)	(1.071.592.296)	-	-	-	(2.014.686.341)
Thanh lý	(5.754.800.644)	(22.903.657.349)	(3.633.421.636)	(46.000.000)	-	(32.337.879.629)
Số dư cuối năm	1.347.681.558.993	1.203.902.822.459	159.710.404.795	9.371.826.168	953.675.210	2.721.620.287.625
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	142.083.750.687	167.890.817.217	52.863.550.347	6.470.954.346	713.762.533	370.022.835.130
Khấu hao trong năm	48.136.424.298	62.094.840.429	14.926.535.689	749.914.325	130.842.501	126.038.557.242
Xóa sổ	(646.992.630)	(664.500.639)	-	-	-	(1.311.493.269)
Thanh lý	(5.754.800.644)	(18.132.437.742)	(2.761.782.742)	(46.000.000)	-	(26.695.021.128)
Số dư cuối năm	183.818.381.711	211.188.719.265	65.028.303.294	7.174.868.671	844.605.034	468.054.877.975
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.209.267.498.105	1.037.267.113.832	102.789.167.538	2.038.270.010	239.912.677	2.351.601.962.162
Số dư cuối năm	1.163.863.177.282	992.714.103.194	94.682.101.501	2.196.957.497	109.070.176	2.253.565.409.650

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có tài sản cố nguyên giá 30.227 triệu VND (1/1/2021: 41.306 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.164.231 triệu VND (1/1/2021: 2.274.674 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	939.900.000	2.047.970.000
Tăng trong năm	-	708.500.000	708.500.000
Xóa sổ	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Số dư cuối năm	1.108.070.000	1.598.400.000	2.706.470.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	325.237.891	325.237.891
Khấu hao trong năm	-	293.753.422	293.753.422
Xóa sổ	-	(16.666.660)	(16.666.660)
Số dư cuối năm	-	602.324.653	602.324.653
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.108.070.000	614.662.109	1.722.732.109
Số dư cuối năm	1.108.070.000	996.075.347	2.104.145.347

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 110 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 110 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Khu văn phòng tại chung cư Nàng Hương VND	Khu văn phòng tại chung cư Mỹ Đình Plaza VND	Khu văn phòng tại chung cư PCCI Hà Đông Complex VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	11.076.525.175	90.477.826.874	24.269.520.970	125.823.873.019
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.101.713.372	26.319.172.775	4.375.162.943	34.796.049.090
Khấu hao trong năm	398.779.182	4.372.488.545	970.780.835	5.742.048.562
Số dư cuối năm	4.500.492.554	30.691.661.320	5.345.943.778	40.538.097.652
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	6.974.811.803	64.158.654.099	19.894.358.027	91.027.823.929
Số dư cuối năm	6.576.032.621	59.786.165.554	18.923.577.192	85.285.775.367

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.456.563.367	436.393.809.541
Tăng trong năm	40.210.527.607	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(31.779.188.977)	(431.937.246.174)
Biến động khác	(9.783.017.870)	-
Số dư cuối năm	3.104.884.127	4.456.563.367

Xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí triển khai tài sản cố định hữu hình của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản VND	Chi phí giải phóng mặt bằng (*) VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.247.663.637	1.450.826.923	34.668.070.209	2.433.446.981	39.800.007.750
Tăng trong năm	2.680.600.116	5.953.424.832	-	9.458.996.657	18.093.021.605
Xóa sổ	-	-	-	(1.388.742.396)	(1.388.742.396)
Thanh lý	(466.990.050)	-	-	(288.750.983)	(755.741.033)
Phân bổ trong năm	(1.562.299.358)	(1.918.465.044)	(634.809.330)	(1.215.066.767)	(5.330.640.499)
Số dư cuối năm	1.898.974.345	5.485.786.711	34.033.260.879	8.999.883.492	50.417.905.427

(*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của các công trình thủy điện Bảo Lâm 1, 3, 3A, Bảo Lạc B, Sông Nhiệm 4 được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm theo các thông báo của Cục thuế Tỉnh Cao Bằng. Cụ thể như sau:

Công trình	Thông báo	Số tiền được trừ (VND)
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 1	Thông báo số 892/TB-CT ngày 24/11/2016	11.413.476.782
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3	Thông báo số 849/TB-CT ngày 21/8/2017	10.061.418.000
Công trình Thủy điện Bảo Lâm 3A	Thông báo số 798/TB-CT ngày 7/8/2017	668.410.942
Công trình Thủy điện Bảo Lạc B	Thông báo số 1216/TB-CT ngày 10/12/2019	7.806.445.192
	Thông báo số 1150/TB-CT ngày 11/11/2019	787.719.391
Công trình Thủy điện Sông Nhiệm 4	Quyết định số 373/QĐ-CT ngày 3/6/2020	549.384.183
	Quyết định số 569/QĐ-CT ngày 3/8/2020	5.174.745.600

Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đã được bù trừ với tiền thuê đất Công ty phải trả hàng năm trong các năm trước là 1.793.529.881 VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vestas Asia Pacific A/S	232.603.917.960	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	135.871.938.419	76.799.561.132
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam	112.282.778.903	158.218.473.308
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	71.878.835.080	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Sở giao dịch (*)	49.976.168.550	-
Phải trả các đối tượng khác	866.323.967.185	643.595.403.298
	1.468.937.606.097	878.613.437.738

(*) Đây là khoản tiền ngân hàng thanh toán tiền mua hàng hóa qua hình thức mở LC UPAS.

(b) Phải trả người bán là bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình	135.871.938.419	76.799.561.132
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam	112.282.778.903	158.218.473.308
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc	51.994.331.177	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai	34.621.872.743	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ	31.543.003.077	11.637.843.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình	29.839.440.038	13.598.030.283
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Đại Mỗ	29.169.591.393	17.341.429.431
Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	13.606.068.540	12.231.528.176
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hà Đông	13.263.781.252	15.864.917.538
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm	12.715.520.095	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	5.235.399.536	8.177.349.510
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Nàng Hương	1.443.017.717	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm	31.615.331	4.543.916.203
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu	18.569.818	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát	9.192.724	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	-	4.481.521.236
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh	8.654.481.941	-
	480.300.602.704	322.894.569.817

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con		
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	24.692.908.478	57.885.535.707
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	19.295.098.521	156.596.455.025
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyễn	10.761.498.061	152.151.268.408
Bên khác		
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin (AIT)	28.171.359.760	-
Ban Quản lý Dự án Phát triển Điện lực	7.109.775.474	-
Công ty Cổ phần Phong điện IA Pết Đak Đoa số một	-	111.491.097.663
Công ty Cổ phần Phong điện IA Pết Đak Đoa số hai	-	111.491.097.663
Công ty Cổ phần Điện gió IA Bang	-	108.446.126.693
Người mua trả tiền trước khác	10.949.986.186	98.018.424.646
	100.980.626.480	796.080.005.805

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	18.898.818.543	338.250.749.585	(338.867.778.570)	18.281.789.558
Thuế xuất nhập khẩu	-	114.378.320	(114.378.320)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	58.274.558.726	27.983.383.544	(84.327.066.950)	1.930.875.320
Thuế thu nhập cá nhân	203.161.197	7.046.849.359	(7.143.888.210)	106.122.346
Thuế tài nguyên	1.247.536.759	30.908.651.959	(30.763.141.982)	1.393.046.736
Thuế nhà đất	-	2.403.385.416	(2.403.385.416)	-
Thuế nhà thầu	34.469.305	2.954.054.378	(2.988.523.683)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.396.211.596	17.974.450.570	(17.998.526.974)	3.372.135.192
	82.054.756.126	427.635.903.131	(484.606.690.105)	25.083.969.152

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm trình bày thể hiện tổng số thuế giá trị gia tăng phải nộp sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ hàng tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí trích trước cho các công trình xây lắp và sản xuất công nghiệp	321.589.580.364	38.770.790.715
Chi phí trích trước cho các công trình thủy điện hoàn thành	40.843.624.360	67.147.173.584
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng	19.326.441.726	15.806.614.897
	381.759.646.450	121.724.579.196

22. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
EPC Dự án Điện gió Liên Lập - Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập	-	44.539.633.734
EPC Dự án Điện gió Phong Huy - Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy	-	17.889.108.070
	-	62.428.741.804

23. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi vay phải trả các công ty liên quan	13.295.674.197	-
Phải trả tiền bảo trì dự án bất động sản	10.154.475.844	9.838.412.013
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.900.185.277	1.494.008.355
Kinh phí công đoàn	481.695.158	456.782.296
Bảo hiểm xã hội	-	4.703.808
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.179.452.431	4.832.143.509
	35.011.482.907	16.626.049.981

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	1.445.337.515.130	8.928.964.700.726	(8.318.661.684.942)	2.055.640.530.914
Vay dài hạn đến hạn trả	53.400.000.000	78.074.000.000	(53.400.000.000)	78.074.000.000
	<u>1.498.737.515.130</u>	<u>9.007.038.700.726</u>	<u>(8.372.061.684.942)</u>	<u>2.133.714.530.914</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con			
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiến Bộ	VND	98.700.000.000	104.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình	VND	-	74.633.300.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	-	102.163.200.000
Các bên khác			
Ngân hàng BNP Paribas, Chi nhánh Hà Nội	VND	497.843.841.474	257.303.208.754
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	487.562.337.967	284.898.162.564
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	654.496.562.386	446.889.049.045
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC	VND	308.994.286.515	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	VND	5.043.502.572	111.980.932.358
Ngân hàng Shinhan Bank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	-	38.508.422.409
Các cá nhân	VND	-	24.261.240.000
		2.055.640.530.914	1.445.337.515.130

Các khoản vay ngắn hạn có thời hạn vay từ 6 đến 9 tháng và không có tài sản bảo đảm.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	1.659.771.027.986	1.376.564.298.868
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(78.074.000.000)	(53.400.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.581.697.027.986	1.323.164.298.868

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản, điều kiện và tài sản bảo đảm của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Tài sản bảo đảm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty con						
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại	VND	3%	2023	Tín chấp	140.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình	VND	3%	2023	Tín chấp	20.350.371.918	-
Các bên khác						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất ưu đãi từ nguồn vốn hỗ trợ Chương trình Phát triển Năng lượng Tái tạo (REDP) của Ngân hàng Thế giới	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 1	451.968.395.700	463.568.395.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3	394.709.898.607	442.709.898.607
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2032	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lạc B	335.145.172.810	256.562.169.299
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2030	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Bảo Lâm 3A	159.212.523.972	55.339.170.283
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Lãi suất huy động tiết kiệm bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ	2033	Tài sản hình thành từ Dự án Thủy điện Sông Nhiệm 4	158.384.664.979	158.384.664.979
					1.659.771.027.986	1.376.564.298.868

Khoản vay dài hạn từ các ngân hàng được bảo đảm bằng tài sản cố hữu hình có giá trị còn lại là 2.164.231 triệu VND (1/1/2021: 2.274.674 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	86.340.357.372	74.648.931.793
Trích lập trong năm	34.020.927.825	36.047.429.204
Sử dụng trong năm	(18.811.603.972)	(24.356.003.625)
Số dư cuối năm	<u>101.549.681.225</u>	<u>86.340.357.372</u>

26. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa VND	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.987.311.284	7.261.678.713	10.248.989.997
Dự phòng trích lập trong năm	1.456.101.868	-	1.456.101.868
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.443.413.152)	(2.891.526.650)	(7.334.939.802)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>4.370.152.063</u>	<u>4.370.152.063</u>
<i>Trong đó:</i>			
Dự phòng phải trả dài hạn	-	4.370.152.063	4.370.152.063

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2020	1.593.242.660.000	711.136.556.786	(4.320.000)	114.455.330.655	46.742.864.034	800.799.383.460	3.266.372.474.935
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	704.807.968.784	704.807.968.784
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	35.779.161.016	-	(35.779.161.016)	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	17.889.580.508	(17.889.580.508)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(36.047.429.204)	(36.047.429.204)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	318.638.930.000	-	-	-	-	(318.638.930.000)	-
Số dư tại ngày 1/1/2021	1.911.881.590.000	711.136.556.786	(4.320.000)	150.234.491.671	64.632.444.542	1.097.252.251.516	3.935.133.014.515
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	310.925.225.021	310.925.225.021
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	47.797.039.750	-	(47.797.039.750)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(34.020.927.825)	(34.020.927.825)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	382.369.490.000	-	-	-	-	(382.369.490.000)	-
Tăng vốn góp theo chương trình ESOP (ii)	57.345.410.000	-	4.320.000	-	-	-	57.349.730.000
Số dư tại ngày 31/12/2021	2.351.596.490.000	711.136.556.786	-	198.031.531.421	64.632.444.542	943.990.018.962	4.269.387.041.711

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2021, Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 47.797.039.750 VND.

Đại hội đồng Cổ đông cũng đã quyết định phân phối cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ bằng 20% vốn điều lệ, tương đương 382.369.490.000 VND.

- (ii) Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu mới cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho Người lao động tương ứng 3% số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Chi tiết như sau:

- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 57.349.730.000 VND
- Phát hành mới: 57.345.410.000 VND
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ: 4.320.000 VND
- Giá chào bán: 10.000 VND/cổ phiếu
- Đối tượng chào bán: theo quy định tại Quy chế ESOP do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành
- Tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình, nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng: theo quy định tại Quy chế ESOP do Hội đồng Quản trị Công ty ban hành
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phiếu chào bán cho cán bộ, công nhân viên theo chương trình ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 2 năm kể từ ngày hoàn tất giao dịch bán cổ phiếu quỹ/ngày hoàn thành đợt phát hành mới (từ 13 tháng 11 năm 2021 đến 12 tháng 11 năm 2023)
- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt bán cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu mới theo chương trình ESOP: bổ sung vốn lưu động cho Công ty

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	235.159.649	2.351.596.490.000	191.188.159	1.911.881.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	235.159.649	2.351.596.490.000	191.188.159	1.911.881.590.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(432)	(4.320.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	235.159.649	2.351.596.490.000	191.187.727	1.911.877.270.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	3.184.060.559	3.259.379.195
Trên một năm đến năm năm	12.736.242.236	13.037.516.780
	15.920.302.795	16.296.895.975

(b) Ngoại tệ

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	36.833	832.122.322	3.445.703	79.234.013.784

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	10.366.003.858.778	2.939.421.981.524
Doanh thu hoạt động sản xuất công nghiệp	89.843.955.554	537.244.607.179
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	13.193.068.056	14.889.167.992
Doanh thu bán điện	450.707.130.101	479.866.981.961
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	1.469.171.077.348	1.142.272.497.908
Doanh thu khác	20.759.680.044	13.324.629.320
	12.409.678.769.881	5.127.019.865.884

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp và thiết bị ngành điện	10.278.035.495.110	2.687.258.927.138
Giá vốn hoạt động sản xuất công nghiệp	79.132.420.885	500.410.256.789
Giá vốn kinh doanh bất động sản đầu tư	7.090.517.682	7.661.945.784
Giá vốn bán điện	210.040.210.599	181.660.233.501
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	1.443.344.764.940	1.116.642.496.611
Giá vốn khác	16.452.366.170	8.395.725.716
	<hr/>	<hr/>
	12.034.095.775.386	4.502.029.585.539
	<hr/>	<hr/>

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi trả chậm	58.437.610.887	30.193.155.299
Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.837.185.557	262.347.391.387
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.634.976.869	1.634.919.095
Lãi do chuyển nhượng vốn	-	93.436.121.602
	<hr/>	<hr/>
	162.909.773.313	387.611.587.383
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền vay	205.966.486.400	150.872.629.369
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	323.123.410	115.661.801
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	989.726.513	1.147.413.708
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(82.957.172.690)	(18.043.746.584)
Chi phí chuyển nhượng vốn	-	17.173.388.288
Chi phí tài chính khác	-	80.952.664
	<hr/>	<hr/>
	124.322.163.633	151.346.299.246
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.606.162.999	15.318.632.189
Biến động của dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	(2.987.311.284)	-
Chi phí bán hàng khác	-	4.996.726.239
	<hr/> 9.618.851.715	<hr/> 20.315.358.428

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.994.678.847	1.933.865.557
Chi phí nhân công	41.066.307.923	47.105.303.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.881.911.885	2.597.408.407
Dự phòng phải thu khó đòi	249.965.915	3.440.564.361
Thuế, phí, lệ phí	776.514.411	740.208.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.075.250.132	12.129.515.520
Chi phí khác bằng tiền	13.892.105.739	6.170.132.972
	<hr/> 76.936.734.852	<hr/> 74.116.999.049

36. Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp	2.891.526.650	-
Lãi từ thanh lý tài sản	3.350.646.588	-
Thu nhập khác	13.514.250.099	685.351.397
	<hr/> 19.756.423.337	<hr/> 685.351.397

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.972.258.865.299	730.876.154.089
Chi phí nhân công	90.252.603.704	90.511.481.603
Chi phí khấu hao tài sản cố định	132.074.359.226	109.404.489.339
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.346.848.500.669	2.503.476.776.657
Chi phí khác bằng tiền	136.342.607.821	45.696.282.266
	10.677.776.936.719	3.479.965.183.954

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	25.434.145.666	62.628.372.741
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.549.237.878	-
	27.983.383.544	62.628.372.741

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	338.908.608.565	767.436.341.525
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	67.781.721.713	153.487.268.305
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.291.393.131	265.100.702
Thu nhập không bị tính thuế	(18.767.437.111)	(52.469.478.277)
Ưu đãi thuế	(25.871.532.067)	(38.654.517.989)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.549.237.878	-
	27.983.383.544	62.628.372.741

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 1, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2017 đến 2020) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2021 đến 2029).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lâm 3 và Bảo Lâm 3A, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2017 đến 2031) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2018 đến 2021) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2022 đến 2030).

Đối với dự án Thủy điện Bảo Lạc B và Sông Nhiệm 4, Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trong 15 năm (từ 2020 đến 2034) và mức thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm (từ 2021 đến 2024) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (từ 2025 đến 2033).

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty con		
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Nam</i>		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	341.062.108	125.367.291
Mua hàng hóa	372.534.261.559	312.217.107.958
Lợi nhuận được chia	2.500.000.000	-
<i>Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Đại Mỗ</i>		
Doanh thu cho thuê	238.528.865	344.784.026
Doanh thu xây lắp	-	3.572.264.000
Mua hàng hóa	171.736.399.326	91.770.594.575
Lợi nhuận được chia	500.000.000	-
<i>Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh</i>		
Doanh thu bán tài sản cố định	2.710.804.003	-
Doanh thu dịch vụ xây lắp	-	69.002.596.631
Mua hàng hóa	200.610.250.456	320.605.171.699
Bàn giao tài sản của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I – Nhà máy Kết cấu Thép Yên Thường	(*)	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Mỹ Đình		
Doanh thu bán hàng hóa	428.164.983	118.238.398
Doanh thu cho thuê	457.313.850	300.535.200
Mua hàng hóa	480.371.310.952	202.984.283.981
Lợi nhuận được chia	1.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Nàng Hương		
Doanh thu cho thuê	1.423.885.632	1.648.878.169
Doanh thu khác	-	188.352.915
Mua hàng hóa	1.783.048.590	2.007.575.985
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hoàng Mai		
Doanh thu cho thuê	148.640.465	167.827.659
Mua hàng hóa	281.921.469.971	103.461.944.961
Lợi nhuận được chia	500.000.000	750.000.000
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Miền Bắc		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	85.700.398	232.405.589
Doanh thu cho thuê	161.930.121	-
Mua hàng hóa	241.910.835.289	46.380.338.741
Cổ tức được chia	1.023.600.960	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Từ Liêm		
Doanh thu bán hàng hóa	794.818.534	5.604.898
Doanh thu cho thuê	381.204.486	361.448.913
Mua hàng hóa	73.411.593.241	79.000.232.585
Lợi nhuận được chia	1.054.956.942	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Hà Đông		
Doanh thu bán hàng hóa	569.741.354	6.727.292
Doanh thu cho thuê	110.827.684	206.198.655
Mua hàng hóa	150.706.570.248	140.267.316.363
Lợi nhuận được chia	594.287.432	-
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện I - Ninh Bình		
Cho vay	5.000.000.000	-
Doanh thu cho thuê	67.666.756	156.308.169
Mua hàng hóa	137.408.447.032	79.853.367.084
Lợi nhuận được chia	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Trung Thu		
Doanh thu cho thuê	67.526.576	50.644.932
Cổ tức được chia	25.800.000.000	12.540.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn PCI (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Lắp máy Công nghiệp Việt Nam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	231.709.092	231.709.092
Cổ tức được chia	382.500.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Hòa Bình		
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.573.706.614
Lãi vay	677.260.274	307.547.945
Vay	337.063.200.000	238.000.000.000
Chi phí lãi vay	3.950.019.288	2.022.876.713
Cổ tức được chia	42.449.000.000	135.836.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Mỹ Đình		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.301.820	95.301.820
Chi phí lãi vay	1.962.958.027	3.602.144.228
Vay	87.733.300.000	14.000.000.000
Cổ tức được chia	8.845.710.000	8.945.100.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Bảo Lâm		
Doanh thu bán hàng hóa	773.754.944	-
Doanh thu cho thuê	-	97.445.454
Mua hàng hóa	104.848.060.726	39.689.574.120
Cổ tức được chia	6.884.985.423	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Miền Bắc		
Doanh thu dịch vụ tư vấn	865.977.273	3.448.443.545
Lãi vay	-	947.909.719
Công ty Cổ phần Điện gió Liên Lập		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	1.337.208.755.101	192.851.829.896
Cho vay	12.372.900.000	-
Lãi cho vay và lãi trả chậm	7.011.137.936	567.824.658
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>277.963.995</i>	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Huy		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	1.439.098.669.867	102.492.428.907
Cho vay	49.073.100.000	47.300.000.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	4.730.990.289	393.950.685
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>1.081.850.051</i>	-
Công ty Cổ phần Điện gió Phong Nguyên		
Doanh thu dịch vụ xây lắp	1.404.403.205.371	153.447.249.146
Cho vay	49.073.100.000	45.500.000.000
Lãi cho vay và lãi trả chậm	2.069.502.006	378.958.904
<i>Bao gồm: lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>1.081.850.051</i>	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghệ		
Vay	16.000.000.000	-
Lãi vay	145.315.068	-
Mua hàng hóa	222.047.597.008	55.158.376.360
Cổ tức được chia	765.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Tân Phát (**)		
Cho vay	75.000.000.000	-
Lãi cho vay	2.997.242.858	-
<i>Bao gồm lãi cho vay nhập gốc</i>	<i>1.228.767.123</i>	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	-	375.360.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tiên Bộ		
Vay	1.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	3.014.506.850	3.925.323.562
Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại (***)		
Vay	143.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	564.246.575	-
Công ty con cấp 2		
Công ty Cổ phần Cột thép Mạ kẽm Thái Nguyên – công ty con của Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh		
Cho vay	16.302.693.400	-
Lãi cho vay	534.192.364	-
Doanh thu bán hàng hóa	91.612.607.704	-
Mua hàng hóa	40.071.956.040	-
Hội đồng Quản trị (“HDQT”) (5 thành viên)		
Lương, thưởng và thù lao	10.296.058.612	6.404.071.436
Ban Tổng Giám đốc không là thành viên HDQT (4 thành viên)		
Lương và thưởng	3.962.909.429	2.385.591.334
Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng (4 thành viên)		
Lương, thưởng và thù lao	2.598.811.390	2.003.492.066

Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Tại ngày 1 tháng 7 năm 2021, Công ty đã tiến hành bàn giao tài sản của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I – Nhà máy Kết cấu thép Yên Thường cho Công ty TNHH Chế tạo Cột thép Đông Anh. Danh mục tài sản được bàn giao như sau:

Danh mục bàn giao	VND
Tiền	19.465.484
Phải thu của khách hàng	29.654.105.576
Trả trước cho người bán	282.651.600
Người mua trả tiền trước	(1.824.919.098)
Phải trả người bán	(26.042.194.267)
Phải trả công nhân viên	(916.922.644)
Phải trả khác	(776.527.801)
Vay ngắn hạn	(3.605.000.000)
	(3.209.341.150)

- (**) Số liệu năm 2021 thể hiện các giao dịch với Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2021, ngày Công ty Cổ phần Khoáng sản Tấn Phát trở thành công ty con của Công ty, đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- (***) Số liệu năm 2021 thể hiện các giao dịch với Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2021, ngày Công ty Cổ phần Thiết bị Thương mại trở thành công ty con của Công ty, đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chuyển khoản phải trả mua công ty con thành khoản vay	120.000.000.000	-
Bù trừ lãi cho vay với khoản mua công ty con	619.426.602	-
Bù trừ khoản phải thu rút vốn khỏi công ty con với khoản vay công ty con	125.633.300.000	-
Bù trừ khoản phải thu rút vốn khỏi công ty con với lãi vay phải trả	4.983.532.002	-
Bù trừ phải thu cổ tức được chia với khoản vay công ty con	38.812.828.082	-
Lãi cho vay nhập gốc	3.670.431.220	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1 (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Điện I)
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

41. Thông tin so sánh

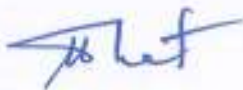
Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình
Người lập biểu



Trần Thị Minh Việt
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Vũ Anh Dương
Tổng Giám đốc

